

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/4/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 83/2021/TLST–HNGĐ ngày 15/3/2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Phú Tr - Sinh năm 1975

Địa chỉ: tổ 14, ấp QB, xã QT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: chị Dương Thị V - Sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ 3, ấp LM 1, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Phú T trình bày: Anh và chị Dương Thị V tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn năm 2002 tại UBND xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 124- quyền số 02/2002. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị V không chăm lo làm ăn và vướng vào nợ nần khiến anh phải trả nợ riêng của chị nhiều lần. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/12/2003. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H mà không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Dương Thị V lời trình bày: chị thống nhất với anh T về cơ sở kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu yếu là mâu thuẫn về tiền bạc, dẫn đến việc anh chị cãi nhau và sống ly thân nhau từ đó đến

nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Về con chung: chị đồng ý giao cháu Bảo H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh T được ly hôn với chị V, giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/12/2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị V không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Phú T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Dương Thị V hiện cư trú tại xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Phú T có đơn khởi kiện chị Dương Thị V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên anh T là nguyên đơn, chị V là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

Anh T và chị V tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Các đương sự thống nhất: sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân một thời gian dài. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị V cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị V thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận cho anh T và chị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/12/2003, chị V đồng ý theo yêu cầu của anh T và cháu Bảo H có nguyện vọng sống với anh T nên giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu và chị V cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị V không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 90, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú T.

1. Công nhận anh Nguyễn Phú T và chị Dương Thị V thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo H, sinh ngày 06/12/2003 cho anh Trung trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T, chị V vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị V có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà anh Trung đã nộp tại biên lai số 0009209 ngày 10/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. CM;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã QT;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung